

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-02-2022.

V/v “Tranh chấp về ly hôn; nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Linh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Sơn;

2. Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 296/2021/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc: “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/01/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thủy T, sinh năm 1994 (có mặt);

Cư trú: Số 400, tổ 06, ấp BH, xã BT, CL, Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Trần Công T1, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Cư trú: Ấp VP, xã VH, huyện Châu Thành, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Thủy T trình bày:

Chị Trần Thị Thủy T sống chung với anh Trần Công T1 từ năm 2018, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện CT (giấy đăng ký kết hôn số 58 ngày 22/5/2018). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ

chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã sống ly thân nhau từ ngày 30/4/2021 cho đến nay. Về con chung: Có 01 con chung là Trần Ngọc Thanh T2, sinh ngày 14/10/2018, hiện đang sống chung với chị T.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Trần Thị Thủy T yêu cầu được ly hôn với anh Trần Công T1; về con chung chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

* *Đối với bị đơn anh Trần Công T1:* Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến gia đình nhằm tạo điều kiện hòa giải đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng giữa hai người nhưng anh T1 đều vắng mặt không lý do. Qua chứng cứ thu thập được thì anh Trần Công T1 có nơi cư trú tại ấp VP, xã VH, huyện CT, tỉnh An Giang; Hiện tại anh Trần Công T1 không thường xuyên có mặt tại địa phương và không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thủy T.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị T xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T1; về con chung chị yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh T1: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ Luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Thủy T. Giải quyết cho chị T được ly hôn với anh T1; về con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Ngọc Thanh T2, sinh năm 2018 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung: Không có không yêu cầu giải quyết; về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Thủy T và anh Trần Công T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 5 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay chị T và anh T1 phát sinh mâu thuẫn, nên chị T yêu cầu ly hôn với anh T1. Anh T1 có hộ khẩu

thường trú ở ấp VP, xã VH, huyện CT, tỉnh An Giang. Vì vậy tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh An Giang theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân huyện CT đã thụ lý vụ án và đã tiến hành các thủ tục pháp lý triệu tập đương sự đến Tòa án để tự khai; tiến hành phiên họp kiểm tra, việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật, phía bị đơn anh Trần Công T1 vẫn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Công T1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T1 theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thủy T xác nhận cuộc sống hôn nhân thời gian đầu vợ chồng chung sống rất vui vẻ và hạnh phúc, nhưng chỉ được một thời gian, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và không thể giải quyết được. Nay chị T nhận thấy vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị quyết định khởi kiện ly hôn đối với anh Trần Công T1.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân vợ chồng là nhằm xây dựng một gia đình thật sự hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc và quan tâm lẫn nhau, nhưng quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại, anh T1 thường xuyên vắng mặt tại địa phương và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T. Mặc dù Tòa án đã nhiều lần tổng đạt họp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T1 không quan tâm và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến, cũng như nguyện vọng của mình là muốn duy trì quan hệ hôn nhân đối với chị T. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị T và anh T1 đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân giữa hai người không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con cái, cấp dưỡng:

Giữa chị T và anh T1 có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Thanh T2, sinh ngày 14/10/2018, hiện do chị T nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị T và anh T1 ly thân đến nay do chị T nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, hơn nữa cháu Thanh T2 là con gái nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, để ổn định tâm lý và đảm bảo sự phát triển cuộc sống của cháu, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thủy T, giao cháu Trần Ngọc Thanh T2 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Thủy T không yêu cầu anh Trần Công T1 cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, tuy nhiên khi điều kiện kinh tế và điều kiện nuôi con có thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng trong một vụ kiện khác.

Anh Trần Công T1 có quyền tới lui, thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

[5] Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do chị Trần Thị Thủy T có yêu cầu ly hôn với anh Trần Công T1 nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình 2014;

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- *Xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thủy T được ly hôn với anh Trần Công T1. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn **số 58 ngày 22/5/2018 do Ủy ban nhân dân xã VH (huyện CT, An Giang)** cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con cái, cấp dưỡng: Công nhận cháu **Trần Ngọc Thanh T2, sinh ngày 14/10/2018** là con chung của chị Trần Thị Thủy T và anh Trần Công T1;

+ Tiếp tục giao cháu **Trần Ngọc Thanh T2** cho chị Trần Thị Thủy T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (hiện cháu Thanh T2 đang sống chung với chị T); Anh Trần Công T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu;

+ Chị Trần Thị Thủy T cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở anh Trần Công T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Thủy T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0002782 ngày 09/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, An Giang, được khấu trừ nên chị Trần Thị Thủy T đã nộp xong.

5. Chị Trần Thị Thủy T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Trần Công T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định của pháp luật để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND.CT;
- Chi cục THADS.CT;
- UBND xã [VH](#);
- Phòng KTNV và THA;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Hà Thị Mỹ Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Liêu Văn Lộc

Ngô Phúc

Hà Thị Mỹ Linh